

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
TRANSI
MEX

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN TRANSIMEX
DN: C=VN, S=Hồ Chí
Minh, L=Quận 1,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
TRANSIMEX,
OID.0.9.2342.19.000360.10
0.1.1=MST:0301874259
Reason: I am the author of
this document
Location: HCM
Date: 2019-03-20 17:08:31



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRANSIMEX



An Independent Member of
BAKER TILLY
INTERNATIONAL

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 54
8. Phụ lục	55

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Transimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Transimex hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301874259, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 21 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 2220 2888
- Fax : (84-28) 2220 2889

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đại lý giao nhận; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào và Trung Quốc; Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS (tập kết, thu gom hàng lẻ xuất khẩu), kho ICD (địa điểm thông quan nội địa); Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển;
- Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường bộ;
- Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường biển;
- Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường hàng không;
- Dịch vụ đóng gói, kê ký mã hiệu hàng hóa cho các nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác ;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Mua bán đồ gỗ gia dụng, gốm, sứ, hàng mỹ nghệ, sản phẩm cao su, sản phẩm mây tre lá, công nghệ phẩm, dệt da may, hàng trang trí nội thất ;
- Mua bán nông, lâm sản ;
- Mua bán nông, lâm thủy hải sản, thực phẩm chế biến, nguyên liệu; thực phẩm công nghệ ;
- Mua bán hóa chất (trừ kinh doanh hóa chất có tính độc hại mạnh); nông dược các loại (trừ thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật) ;
- Cửa hàng bách hóa;
- Mua bán vải sợi;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán xe;
- Cho thuê văn phòng;
- Sửa chữa máy móc thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Chuyển phát;
- Đại lý du lịch;
- Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất công nông nghiệp; máy văn phòng; điện máy; phương tiện vận tải; nông ngư cơ.



Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Huỳnh Minh Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Chinh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Toshiyuki Matsuda	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Masafumi Inoue	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Duy Hiệp	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2016
Ông Nguyễn Chí Đức	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2013
Ông Tôn Thất Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Phúc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Tuấn Ngọc - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 11 tháng 3 năm 2019



Head Office

02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3. 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879 Fax: 024. 3 736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 3 876 555 Fax: 0258. 3 875 327 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995 Fax: 0292. 3 764 996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0363/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Transimex (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Transimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0327-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		351.688.879.173	288.172.613.796
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	186.508.589.991	65.087.828.198
1. Tiền	111		52.508.589.991	39.021.828.198
2. Các khoản tương đương tiền	112		134.000.000.000	26.066.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		43.766.395.816	36.629.714.749
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	33.683.700.334	39.176.565.279
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(2.917.304.518)	(2.546.850.530)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	13.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.355.353.239	177.508.903.100
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	75.135.968.241	52.967.955.889
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.109.160.602	3.344.929.193
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	80.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	32.110.224.396	40.596.018.018
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.626.887.397	5.010.721.610
1. Hàng tồn kho	141	V.8	5.626.887.397	5.010.721.610
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.431.652.730	3.935.446.139
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	4.285.180.263	3.935.446.139
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		139.021.808	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	7.450.659	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.340.271.374.396	1.179.441.732.559
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.469.738.740	3.449.738.740
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	3.469.738.740	3.449.738.740
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		270.816.635.448	260.824.831.814
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	243.687.656.470	230.282.449.610
- Nguyên giá	222		481.803.133.852	446.544.311.787
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(238.115.477.382)	(216.261.862.177)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	24.116.355.498	26.819.538.210
- Nguyên giá	225		28.872.721.111	28.872.721.111
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.756.365.613)	(2.053.182.901)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3.012.623.480	3.722.843.994
- Nguyên giá	228		8.490.325.024	7.942.825.024
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.477.701.544)	(4.219.981.030)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	63.323.417.247	66.834.115.047
- Nguyên giá	231		83.218.487.321	83.218.487.321
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.895.070.074)	(16.384.372.274)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		741.787.727	14.685.158.112
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	741.787.727	14.685.158.112
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		987.501.006.193	817.958.424.706
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	530.722.416.116	387.706.102.602
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	423.601.866.200	355.805.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	33.176.723.877	89.310.568.269
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	-	(14.863.246.165)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.418.789.041	15.689.464.140
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	14.418.789.041	15.689.464.140
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.691.960.253.569	1.467.614.346.355

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		740.287.585.230	553.812.835.591
I. Nợ ngắn hạn	310		235.597.291.222	261.567.343.598
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	45.886.981.387	31.332.496.350
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	17.724.885.718	9.433.450.023
4. Phải trả người lao động	314	V.17	7.257.964.627	5.270.461.990
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	21.407.944.327	15.066.497.654
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	51.682.597.149	44.315.896.774
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	86.919.337.057	144.845.627.739
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	4.717.580.957	11.302.913.068
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		504.690.294.008	292.245.491.993
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	310.809.175	310.809.175
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	504.379.484.833	291.934.682.818
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		951.672.668.339	913.801.510.764
I. Vốn chủ sở hữu	410		951.672.668.339	913.801.510.764
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	475.205.070.000	345.643.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		475.205.070.000	345.643.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	210.148.055.653	210.148.055.653
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22	(107.189.900)	(107.189.900)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	90.816.432.599	82.678.040.807
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	175.610.299.987	275.439.184.204
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		70.874.378.624	275.439.184.204
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		104.735.921.363	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.691.960.253.569	1.467.614.346.355

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2019



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Xuân Quang
Người lập

Nguyễn Hồng Kim Chi
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	474.089.830.321	488.641.829.250
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		474.089.830.321	488.641.829.250
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	383.157.253.195	370.044.092.879
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.932.577.126	118.597.736.371
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	76.188.666.140	65.936.172.481
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	23.993.553.429	34.590.147.680
Trong đó: chi phí lãi vay	23		35.163.052.290	29.568.073.462
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	90.415.103	20.142.650
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.994.174.289	20.193.035.782
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		120.043.100.445	129.730.582.740
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.643.112.799	1.410.188.971
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.868.849.816	1.400.791.781
13. Lợi nhuận khác	40		(225.737.017)	9.397.190
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		119.817.363.428	129.739.979.930
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	15.081.442.065	18.258.188.053
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		104.735.921.363	111.481.791.877
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Phạm Xuân Quang
Người lập

Nguyễn Hồng Kim Chi
Kế toán trưởng

Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		119.817.363.428	129.739.979.930
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12, V.13, V.21	37.142.799.771	34.422.672.167
- Các khoản dự phòng	03	V.2	(14.492.792.177)	(2.064.983.250)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	2.116.667.090	2.395.304.364
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.4, VI.7	(76.235.607.401)	(64.416.640.321)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	35.163.052.290	29.568.073.462
- Các khoản điều chỉnh khác	07		560.400.000	1.587.100.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		104.071.883.001	131.231.506.352
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.587.651.063)	776.225.898
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(616.165.787)	149.456.386
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		26.729.084.038	(2.480.333.784)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		920.940.975	1.736.005.308
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(13.707.435.585)	(23.229.924.826)
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, V.19a, VI.4	(25.630.583.051)	(32.176.001.939)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(8.000.000.000)	(9.574.313.902)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(8.512.056.731)	(9.016.930.841)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		64.668.015.797	57.415.688.652
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12, V.14, VII	(35.064.232.674)	(39.362.313.786)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.7	1.724.318.182	1.551.826.064
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(16.500.000.000)	(80.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2b, V.5	84.100.000.000	30.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(164.029.859.384)	(58.404.392.835)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2, VI.3	48.171.938.000	48.990.594.308
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	51.173.383.454	45.908.555.536
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.424.452.422)	(51.915.730.713)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

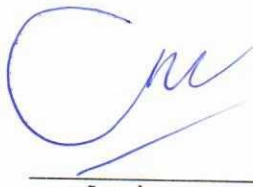
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(47.837.900)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	477.189.575.723	242.022.786.771
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(316.259.588.220)	(250.039.041.435)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20	(9.088.543.260)	(6.319.324.788)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, V.22	(64.664.245.825)	(17.218.137.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		87.177.198.418	(31.601.554.852)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		121.420.761.793	(26.101.596.913)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	65.087.828.198	91.173.862.845
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	15.562.266
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	186.508.589.991	65.087.828.198

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2019


Phạm Xuân Quang
Người lập

Nguyễn Hồng Kim Chi
Kế toán trưởngBùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Transimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ; Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD; Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển; Dịch vụ giao, nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào, Trung Quốc; Dịch vụ đóng gói và kê ký mã hiệu hàng hóa cho nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Chuyển phát.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm Công ty đã mua thêm cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long để tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty này lên 52,78% và trở thành Công ty con của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng góp thêm vốn vào Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics, tăng vốn điều lệ của Công ty này lên thành 200.000.000.000 VND.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải	75,48%	75,48%	75,48%
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ cho thuê văn phòng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân Phối Transimex	Đường số 23, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Dịch vụ kho bãi	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Lô BT, đường D2, Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ kho bãi	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Vinafreight	A8 Trường Sơn, phường 02, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế	53,42%	53,42%	53,42%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Thôn Bưởi, Xã Dị Sử, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên	Dịch vụ chuyển phát, sửa chữa máy móc, thiết bị, vận tải hàng hóa.	52,78%	52,78%	52,78%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ logistics	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, Tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn	631-633 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	35,02%	35,02%	35,02%
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Số 8A, đường Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Dịch vụ và Kinh doanh thương mại	26,85%	26,85%	26,85%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương ⁽ⁱ⁾	Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Giao nhận vận chuyển và các dịch vụ logistics khác	9,4%	9,4%	9,4% (*)

- (i) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương ít hơn 20% nhưng Công ty Cổ phần Transimex có ảnh hưởng đáng kể thông qua tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết gián tiếp tại Công ty con là Công ty Cổ phần Vinafreight. Do vậy khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 415 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 430 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí trực tiếp liên quan đến việc thực hiện dịch vụ.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất trả trước, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 01 năm đến 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian theo hợp đồng bảo hiểm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (20 năm).

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

06 - 14

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Bản quyền trang web

Nguyên giá của bản quyền trang web bao gồm chi phí đăng ký sở hữu và thiết lập trang web. Bản quyền trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 đến 08 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	32
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Hệ thống kỹ	08 - 15

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh do một bên kiểm soát chia lợi nhuận sau thuế và đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn).

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

17. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

18. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.147.125.640	1.837.865.783
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.361.464.351	37.183.962.415
Các khoản tương đương tiền (*)	134.000.000.000	26.066.000.000
Cộng	186.508.589.991	65.087.828.198

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT)	-	-	-	12.762.227.885	10.806.850.000	(1.955.377.885)
Tổng Công ty Cổ phần Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí (PET)	32.785.104	21.384.000	-	32.785.104	31.152.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (TIX)	72.491.297	82.971.000	-	63.291.297	97.921.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	14.012.360.165	16.630.380.000	-	10.705.699.601	17.817.195.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (CLL)	19.526.504.518	16.609.200.000	(2.917.304.518)	9.134.929.497	9.599.877.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại(TJC)	39.559.250	42.000.000	-	39.559.250	38.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MAC)	-	-	-	6.438.072.645	5.846.600.000	(591.472.645)
Cộng	33.683.700.334	33.385.935.000	(2.917.304.518)	39.176.565.279	44.237.595.000	(2.546.850.530)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT): giảm do chuyển thành Công ty liên kết.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN): tăng do mua thêm 45.870 cổ phiếu với giá trị tương ứng 3.306.660.564 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (CLL): tăng do mua 354.330 cổ phiếu với giá trị tương ứng 10.391.575.021 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MAC): giảm do chuyển thành Công ty liên kết.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.546.850.530	563.897.695
Trích lập dự phòng bổ sung	370.453.988	1.982.952.835
Số cuối năm	2.917.304.518	2.546.850.530

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc	Số cuối năm Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Số đầu năm Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	530.722.416.116	-	-	387.706.102.602	(11.288.403.677)	-
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex ⁽ⁱ⁾	41.475.000.000	-	-	41.475.000.000	(4.651.687.787)	-
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex ⁽ⁱⁱ⁾	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	(2.085.433.258)	-
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics ^(iv)	200.000.000.000	-	-	150.000.000.000	(4.551.282.632)	-
Công ty Cổ phần Vinafreight (VNF) ^(v)	136.664.396.316	-	-102.922.585.000	104.231.102.602	-	158.461.600.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long ^(vi)	60.583.019.800	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	423.601.866.200	-	-	355.805.000.000	(3.574.842.488)	-
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam ^(vii)	12.525.000.000	-	-	12.525.000.000	-	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ^(viii)	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CLX) ^(ix)	303.280.000.000	-	-318.444.000.000	303.280.000.000	(3.574.842.488)	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MAC) ^(x)	33.181.948.375	-	30.079.039.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT) ^(xi)	34.614.917.825	-	32.172.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giá gốc	Số cuối năm Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Số đầu năm Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (xii)	33.176.723.877	-	-	89.310.568.269	-	120.656.900.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	33.176.723.877	-	43.773.412.500	61.727.548.469	-	120.656.900.000
Cộng	987.501.006.193	-	-	27.583.019.800	-	-
				832.821.670.871	(14.863.246.165)	

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307821849, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 8 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Transimex 54.950.000.000 VND. Trong năm trước Công ty đã bán 13.475.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 41.475.000.000 VND, tương đương 75,48% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309428263, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 5 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex 80.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702120783, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 24 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex là 50.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 12.000.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 38.000.000.000 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312967522, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 04 tháng 4 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics 200.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (v) Trong năm, Công ty đã mua thêm 1.593.775 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinafreight với giá mua là 32.433.293.714 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 4.474.895 cổ phiếu, tương đương 53,42% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vinafreight (số đầu năm là 2.881.120 cổ phiếu, tương đương 51,59% vốn điều lệ).
- (vi) Trong năm, Công ty đã mua thêm 330.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long với giá mua 33.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 527.780 cổ phiếu, tương đương 52,78% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000240 ngày 22 tháng 5 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam 12.525.000.000 VND (tương đương USD 750,000), tương đương 50% vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An 40.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ix) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 30.328.000 cổ phiếu, tương đương 35,02% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn.
- (x) Trong năm Công ty đã mua thêm 3.351.735 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MAC) với giá mua 26.743.875.730 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 4.064.736 cổ phiếu, tương đương 26,85% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải.
- (xi) Trong năm Công ty đã mua thêm 728.500 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT) với giá mua 21.852.689.940 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.149.000 cổ phiếu, tương đương 9,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT).
- (xii) Trong năm Công ty đã chuyển nhượng 2.790.370 cổ phiếu, tương đương 7,02% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.242.475 cổ phiếu, tương đương 9,4% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.863.246.165	18.911.182.250
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	(14.863.246.165)	(4.047.936.085)
Số cuối năm	-	14.863.246.165

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex		
Nhận cung cấp dịch vụ	51.314.968.982	35.737.994.657
Cung cấp dịch vụ	1.109.344.544	452.006.360
Thanh lý tài sản	-	1.215.551.184
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex		
Vay	13.000.000.000	8.000.000.000
Lãi vay	700.667.333	-
Nhận dịch vụ tòa nhà	521.761.401	489.520.206
Lợi nhuận được chia	17.244.320.962	16.847.352.830

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex		
Cho thuê kho	4.800.000.000	6.120.000.000
Cung cấp dịch vụ nâng hạ	-	36.800.000
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics		
Góp vốn	50.000.000.000	9.000.000.000
Cung cấp dịch vụ vận chuyển, giao nhận	263.301.087	1.295.704.026
Chi hộ	5.310.000	23.400.000
Cho vay	3.500.000.000	80.600.000.000
Lãi cho vay	4.011.672.490	2.162.000.000
Mua tài sản cố định	5.045.545.455	-
Công ty Cổ phần Vinafreight		
Lợi nhuận được chia	1.448.260.000	5.688.240.000
Cung cấp dịch vụ	2.303.811.631	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long		
Cung cấp dịch vụ	62.500.000	-
Phí tư vấn hồ sơ pháp lý xây dựng kho Hưng Yên	120.000.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	2.211.838.876	2.467.642.611
Lợi nhuận được chia từ góp vốn tham gia liên doanh	21.000.000.000	10.500.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		
Góp vốn	-	32.915.900.000
Cung cấp dịch vụ	653.981.820	387.867.273

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp

Công ty đã dùng Quyền sở hữu tài sản trên đất tại địa chỉ 172 Hai Bà Trưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex để đảm bảo cho khoản bán trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (xem thuyết minh số V.20b).

Ngoài ra, Công ty đã cầm cố 30.181.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn và toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai của Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics để đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (xem thuyết minh số V.20b).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	845.208.421	1.209.122.041
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	231.040.000	111.300.000
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	-	440.000.000
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	229.226.895	419.968.041
Công ty Cổ phần Vinafreight	179.656.926	-
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	189.644.600	-
Công ty TNHH Vận Tải Container Hải An	15.640.000	237.854.000
Phải thu các khách hàng khác	74.290.759.820	51.758.833.848
Công ty TNHH Logistics Shibushawa	12.957.974.143	11.465.067.676
Maersk Line A/S	8.722.188.541	5.202.884.961
Các khách hàng khác	52.610.597.136	35.090.881.211
Cộng	75.135.968.241	52.967.955.889

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Ô tô Trường Hải	1.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Dịch vụ Kỹ thuật Minh Long	531.740.000	-
Công ty TNHH Đại Phát Tín	714.273.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận HST	-	376.410.900
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vận tải Thái Thịnh Phát	-	442.574.000
Các nhà cung cấp khác	1.863.147.602	2.525.944.293
Cộng	4.109.160.602	3.344.929.193

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics (là bên liên quan) vay với lãi suất 06%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	5.914.038.132	-	10.242.126.303	-
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex - Lợi nhuận được chia	4.157.479.798	-	1.825.766.589	-
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics - Lãi cho vay	1.756.558.334	-	2.162.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An - Lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	6.254.359.714	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	26.196.186.264	-	30.353.891.715	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	461.979.527	-	387.946.527	-
Lãi dự thu	-	-	63.000.000	-
Các khoản chi hộ	13.413.035.757	-	13.647.422.012	-
Tạm ứng	12.321.170.980	-	16.255.523.176	-
Cộng	32.110.224.396	-	40.596.018.018	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ thuê tài chính	3.176.000.000	-	3.176.000.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn khác	293.738.740	-	273.738.740	-
Cộng	3.469.738.740	-	3.449.738.740	-

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Nam Tuấn	Trên 03 năm	177.100.000	177.100.000	Trên 03 năm	227.100.000	227.100.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại ABA	Trên 03 năm	629.338.146	629.338.146	Trên 02 năm đến 03 năm	629.338.146	629.338.146
Các khách hàng khác	Trên 01 năm đến 03 năm	477.356.018	477.356.018	Trên 01 năm đến 03 năm	499.267.744	499.267.744
Cộng		1.283.794.164	1.283.794.164		1.355.705.890	1.355.705.890

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.767.920.177	-	3.910.695.599	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.858.967.220	-	1.100.026.011	-
Cộng	5.626.887.397	-	5.010.721.610	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.737.973.108	3.443.757.703
Chi phí bảo hiểm	307.207.155	331.687.936
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	240.000.000	160.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	500
Cộng	4.285.180.263	3.935.446.139

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	8.174.253.229	8.851.449.267
Tiền thuê đất (*)	6.230.925.000	6.597.450.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	13.610.812	240.564.873
Cộng	14.418.789.041	15.689.464.140

(*) Tiền thuê đất trả trước tại Trung tâm Logistics Transimex-Saigon tại Đà Nẵng đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh số V.20b).

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	173.218.053.689	-	240.138.417.211	32.622.233.627	565.607.260	446.544.311.787
Mua trong năm	-	907.000.000	18.985.489.622	-	-	19.892.489.622
Đầu tư XD CB hoàn thành	14.908.373.232	-	1.687.464.546	7.049.028.059	-	23.644.865.837
Phân loại lại	-	2.719.319.254	-	(38.572.549.439)	35.853.230.185	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(8.278.533.394)	-	-	(8.278.533.394)
Số cuối năm	188.126.426.921	3.626.319.254	252.532.837.985	1.098.712.247	36.418.837.445	481.803.133.852
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.610.663.470	1.121.763.250	57.021.233.463	514.720.587	17.715.280.351	96.983.661.121
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	71.671.633.130	-	120.561.345.254	23.463.276.533	565.607.260	216.261.862.177
Khấu hao trong năm	8.206.472.394	10.797.619	18.873.740.836	2.732.658.564	-	29.823.669.413
Phân loại lại	-	1.399.533.082	152.470.666	(25.454.886.297)	23.902.882.549	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.970.054.208)	-	-	(7.970.054.208)
Số cuối năm	79.878.105.524	1.410.330.701	131.617.502.548	741.048.800	24.468.489.809	238.115.477.382
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	101.546.420.559	-	119.577.071.957	9.158.957.094	-	230.282.449.610
Số cuối năm	108.248.321.397	2.215.988.553	120.915.335.437	357.663.447	11.950.347.636	243.687.656.470
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 110.817.652.352 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ryobi Holdings Co., Ltd (Xem thuyết minh số V.20b).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	28.872.721.111	2.053.182.901	26.819.538.210
Khấu hao trong năm	-	2.703.182.712	
Số cuối năm	28.872.721.111	4.756.365.613	24.116.355.498

12. Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền trang web	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.500.000	7.910.325.024	7.942.825.024
Mua trong năm	-	300.000.000	300.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	247.500.000	247.500.000
Số cuối năm	32.500.000	8.457.825.024	8.490.325.024
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	32.500.000	1.065.108.000	1.097.608.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	32.500.000	4.187.481.030	4.219.981.030
Khấu hao trong năm	-	1.257.720.514	1.257.720.514
Số cuối năm	32.500.000	5.445.201.544	5.477.701.544
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	3.722.843.994	3.722.843.994
Số cuối năm	-	3.012.623.480	3.012.623.480
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Hệ thống kỹ	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	44.285.400.000	34.701.793.251	4.231.294.070	83.218.487.321
Số cuối năm	44.285.400.000	34.701.793.251	4.231.294.070	83.218.487.321
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	6.458.287.528	8.098.174.668	1.827.910.078	16.384.372.274
Khấu hao trong năm	1.383.918.756	1.735.089.660	391.689.384	3.510.697.800
Số cuối năm	7.842.206.284	9.833.264.328	2.219.599.462	19.895.070.074
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	37.827.112.472	26.603.618.583	2.403.383.992	66.834.115.047
Số cuối năm	36.443.193.716	24.868.528.923	2.011.694.608	63.323.417.247

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc và hệ thống kỹ thuật tại đường số 23, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Tất cả bất động sản đầu tư đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch (xem thuyết minh số V.20b).

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	2.618.370.000	744.005.000	(2.891.000.000)	471.375.000
Công trình Trung tâm Logistics Transimex-Saigon tại Đà Nẵng (*)	12.066.788.112	9.204.990.452	(21.001.365.837)	270.412.727
Cộng	14.685.158.112	9.948.995.452	(23.892.365.837)	741.787.727

(*) Toàn bộ công trình xây dựng dở dang đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20b).

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	18.469.121.249	8.197.547.398
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	12.359.760.162	6.604.661.255
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	143.531.087	1.030.299.779
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	5.550.100.000	396.000.000
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	-	13.750.000
Công ty TNHH Vận Tải Container Hải An	415.730.000	152.836.364
Phải trả các nhà cung cấp khác	27.417.860.138	23.134.948.952
Công ty Cổ phần Unico Vina	2.449.096.100	2.933.921.100
Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam - Xí nghiệp Cảng Viconship	3.416.362.971	2.615.171.869
Công ty TNHH MTV Tư Lai II	100.000.000	2.412.734.600
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ	3.001.377.269	2.158.103.274
Các nhà cung cấp khác	18.451.023.798	13.015.018.109
Cộng	45.886.981.387	31.332.496.350

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	374.219.234	17.569.880.499	(17.317.694.246)	626.405.487
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.441.676.714	15.081.442.065	(8.000.000.000)	14.523.118.779
Thuế thu nhập cá nhân	386.370.173	2.377.745.745	(1.897.671.103)	866.444.815
Thuế nhà thầu	1.231.183.902	17.897.010.155	(17.419.277.420)	1.708.916.637
Thuế nhà đất	-	700.714.840	(708.165.499)	(7.450.659)
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	9.433.450.023	53.630.793.304	(45.346.808.268)	17.717.435.059

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa khu chế xuất 0%
- Dịch vụ vận chuyển bốc xếp, dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	119.817.363.428	129.739.979.930
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.306.765.005	2.541.663.163
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	122.124.128.433	132.281.643.093
Thu nhập được miễn thuế	(46.716.918.109)	(40.990.702.830)
Thu nhập tính thuế	75.407.210.324	91.290.940.263
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	15.081.442.065	18.258.188.053
Trong đó: Thuế thu nhập doanh nghiệp hợp đồng hợp tác kinh doanh đã được đối tác nộp hộ (*)	-	1.574.313.902

- (*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/HĐHTKD ngày 06 tháng 8 năm 2015 được ký lại trên cơ sở hợp nhất 02 Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/HĐHTKD ngày 12 tháng 3 năm 2014 và Hợp đồng số 16/HĐHTKD ngày 25 tháng 9 năm 2014 đã ký, Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An có trách nhiệm kê khai, quyết toán và nộp thay khoản thuế thu nhập doanh nghiệp này cho các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất và thuế nhà đất

Tiền thuê đất và thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả dịch vụ giao nhận	6.959.106.525	10.112.903.654
Chi phí lãi trái phiếu	14.002.970.936	4.565.594.000
Chi phí lãi vay	445.866.866	388.000.000
Cộng	21.407.944.327	15.066.497.654

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	129.791.764
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.936.601.536	2.526.168.536
Cổ tức phải trả	886.700.435	765.377.760
Lãi trái phiếu phải trả	3.143.804.025	3.106.578.588
Các khoản thu hộ phải trả	44.338.111.573	37.686.051.791
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	377.379.580	101.928.335
Cộng	51.682.597.149	44.315.896.774

19b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	5.000.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	5.000.000.000	8.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	81.919.337.057	136.845.627.739
Vay ngắn hạn ngân hàng	53.489.284.324	101.311.590.981
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	53.489.284.324	15.248.064.770
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1- TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	-	39.622.926.211
Ngân hàng Shinhan Châu Âu	-	46.440.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	22.141.193.361	25.260.329.573
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	5.135.745.447	9.088.543.260
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	1.153.113.925	1.185.163.925
Cộng	86.919.337.057	144.845.627.739

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay ngắn hạn tổ chức khác</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</u>	<u>Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	101.311.590.981	8.000.000.000	25.260.329.573	9.088.543.260	1.185.163.925	144.845.627.739
Số tiền vay phát sinh trong năm	176.250.275.723	13.000.000.000	-	-	-	189.250.275.723
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	10.392.486.718	5.135.745.447	-	15.528.232.165
SSI chuyển trả lại trái phiếu chưa trả cho trái chủ	-	-	-	-	(32.050.000)	(32.050.000)
Số tiền vay đã trả (224.072.582.380)	(16.000.000.000)	(13.934.955.840)	(9.088.543.260)	-	-	(263.096.081.480)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	423.332.910	-	-	423.332.910
Số cuối năm	53.489.284.324	5.000.000.000	22.141.193.361	5.135.745.447	1.153.113.925	86.919.337.057

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	4.324.444.444	14.716.931.162
Chi nhánh Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch ⁽ⁱ⁾	-	2.979.153.385
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	4.324.444.444	11.737.777.777
Vay dài hạn Ryobi Holdings Co., Ltd. ⁽ⁱⁱⁱ⁾	62.320.031.160	60.626.696.980
Nợ thuê tài chính dài hạn	1.384.609.229	6.520.354.676
Trái phiếu thường dài hạn	436.350.400.000	210.070.700.000
Trái phiếu phát hành ra công chúng ^(iv)	287.939.300.000	-
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ^(v)	148.411.100.000	210.070.700.000
Cộng	504.379.484.833	291.934.682.818

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch để đầu tư tài sản cố định và mua nợ tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần kể từ ngày giải ngân và áp dụng cho từng khoản rút vốn vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất của Công ty tại Khu công nghiệp Sóng Thần II, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương và nhà kho lưu trữ của Công ty tại địa điểm này và các tài sản khác (xem thuyết minh số V.10 và V.13).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư dự án Trung tâm logistics Transimex tại Đà Nẵng với lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau 12 tháng lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Thời hạn hoàn trả khoản vay theo 36 đợt hoàn trả số tiền bằng nhau vào hàng tháng bắt đầu sau hai năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên (ngày 10 tháng 8 năm 2015). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải,... hình thành trong tương lai từ dự án này (xem thuyết minh số V.9b, V.10 và V.14).
- (iii) Khoản vay Ryobi Holdings Co., Ltd. (USD 4.000.000) để đầu tư xây dựng kho ngoại quan và dịch vụ hậu cần tại Khu công nghệ cao Quận 9 TP. Hồ Chí Minh (dự án của Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics) với lãi suất cho vay cố định trong năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên và từ năm thứ hai trở đi lãi suất được điều chỉnh hàng năm. Thời hạn hoàn trả khoản vay là 07 năm được ân hạn trả nợ 02 năm và được hoàn trả số tiền bằng nhau mỗi năm một lần vào tháng 9 hàng năm (kỳ trả nợ đầu tiên vào tháng 9 năm 2017). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản và các thiết bị tại Trung tâm kho cảng ICD (xem thuyết minh số V.10).
- (iv) Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 2.879.393 trái phiếu chuyển đổi không có bảo đảm với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,5%/năm với kỳ hạn là 02 năm kể từ ngày phát hành (ngày 13 tháng 6 năm 2018).

Do việc phát hành trái phiếu chuyển đổi nhưng không xác định được số lượng cổ phiếu có thể được chuyển đổi bởi giá chuyển đổi nên Công ty hạch toán và trình bày Báo cáo tài chính trái phiếu chuyển đổi này như trái phiếu thường.

Thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu:

Thông tin chung

1. Tên chứng khoán chào bán: Trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Transimex năm 2017
2. Loại chứng khoán: Trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm
3. Mệnh giá: 100.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng) /Trái phiếu
4. Số lượng chứng khoán chào bán: 2.879.393 trái phiếu
5. Tổng số lượng vốn huy động: 287.654.700.000 đồng (sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến đợt phát hành)
6. Ngày bắt đầu chào bán: 17/04/2018
7. Ngày hoàn thành đợt chào bán: 13/06/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Tiến độ dự án đã công bố theo Bản cáo bạch**

Khoản mục	Giá trị (VND)
Thực hiện dự án đầu tư	44.000.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic Thăng Long tăng tỷ lệ sở hữu của TMS lên 52.2%	44.000.000.000
Tái cấu trúc vốn vay của dự án khu công nghệ cao	49.300.000.000
Thanh toán nợ vay theo Hợp đồng Tín dụng số 0140/HĐTD2-VIB601/15 giữa Công ty TNHH MTV Transimex Hitech Park Logistics và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (*)	49.300.000.000
Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh	194.700.000.000
Mua lại theo cam kết trái phiếu không chuyển đổi TPTMS2016 phát hành theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2016/TMS-Maritime Bank giữa CTCP Transimex và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam; Trả lãi trái phiếu	81.000.000.000
Thanh toán gốc và lãi cho hợp đồng tín dụng số 264/HD.TMS 2015 giữa Công ty Cổ phần Transimex và Ryobi Holdings	16.600.000.000
Thanh toán gốc và lãi cho hợp đồng tín dụng giữa Công ty Cổ phần Transimex và Shinhan Bank Europe GmbH	48.800.000.000
Trả tiền thuê (vốn và lãi) cho các hợp đồng thuê tài chính tại Công ty Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC)	9.200.000.000
Thanh toán nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 0319/HĐTD2-VIB601/15 giữa Công ty Cổ phần Transimex và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	8.700.000.000
Bổ sung vốn lưu động	30.400.000.000
Tổng cộng	288.000.000.000

Tiến độ sử dụng vốn thực tế tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Khoản mục	Giá trị (VND)
Thực hiện dự án đầu tư	44.000.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic Thăng Long tăng tỷ lệ sở hữu của TMS lên 52.2%	44.000.000.000
Tái cấu trúc vốn vay của dự án khu công nghệ cao	49.300.000.000
Thanh toán nợ vay theo Hợp đồng Tín dụng số 0140/HĐTD2-VIB601/15 giữa Công ty TNHH MTV Transimex Hitech Park Logistics và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (*)	49.300.000.000
Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh	194.354.700.000
Mua lại theo cam kết trái phiếu không chuyển đổi TPTMS2016 phát hành theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2016/TMS-Maritime Bank giữa CTCP Transimex và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam; Trả lãi trái phiếu	79.690.000.000
Thanh toán gốc và lãi cho hợp đồng tín dụng số 264/HD.TMS 2015 giữa Công ty Cổ phần Transimex và Ryobi Holdings (*)	1.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thanh toán gốc và lãi cho hợp đồng tín dụng giữa Công ty Cổ phần Transimex và Shinhan Bank Europe GmbH	45.500.000.000
Trả tiền thuê (vốn và lãi) cho các hợp đồng thuê tài chính tại Công ty Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC)	9.970.000.000
Thanh toán nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 0319/HĐTD2-VIB601/15 giữa Công ty Cổ phần Transimex và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	8.820.000.000
Bổ sung vốn lưu động	48.874.700.000
Tổng cộng	287.654.700.000

(*) Theo phụ lục hợp đồng 264PL/Annex4 ký ngày 10/08/2018 giữa Ryobi Holdings Co., Ltd. và CTCP Transimex, lịch trả nợ gốc được điều chỉnh dẫn ra một kỳ. Do đó, nguồn vốn được dự kiến sử dụng để thanh toán nợ gốc của kỳ 2018 của hợp đồng tín dụng số 264/HD.TMS 2015 được tạm thời bổ sung vào nguồn vốn lưu động và sẽ thực hiện thanh toán trong kỳ 2019.

- (v) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 05 năm, mệnh giá 1.000.000 VND, được phát hành cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư hoặc bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là quyền sở hữu tài sản trên đất tại 172 Hai Bà Trưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex; Lợi thế, quyền khai thác đất thuê trả tiền hàng năm tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 45 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00161/1a/QSDD/3426/UB; Cầm cố 30.181.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (xem thuyết minh số V.2b) và sà lan chở container (xem thuyết minh số V.10).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	10.885.653.385	6.561.208.940	4.324.444.444	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	77.900.015.580	15.579.984.420	62.320.031.160	-
Nợ thuê tài chính	6.520.354.676	5.135.745.447	1.384.609.229	-
Trái phiếu thường	437.503.513.925	1.153.113.925	436.350.400.000	-
Cộng	532.809.537.566	28.430.052.732	504.379.484.833	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	24.820.609.225	10.103.678.063	14.716.931.162	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	75.783.348.490	15.156.651.510	60.626.696.980	-
Nợ thuê tài chính	15.608.897.936	9.088.543.260	6.520.354.676	-
Trái phiếu thường	211.255.863.925	1.185.163.925	210.070.700.000	-
Cộng	327.468.719.576	35.534.036.758	291.934.682.818	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	5.135.745.447	1.384.609.229	-	6.520.354.676
Lãi thuê phải trả	281.721.484	37.001.760	-	318.723.244
Nợ thuê tài chính phải trả	5.417.466.931	1.421.610.989	-	6.839.077.920
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	9.088.543.260	6.520.354.676	-	15.608.897.936
Lãi thuê phải trả	881.841.036	318.723.244	-	1.200.564.280
Nợ thuê tài chính phải trả	9.970.384.296	6.839.077.920	-	16.809.462.216

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các tổ chức khác	Nợ thuê tài chính	Trái phiếu thường	Cộng
Số đầu năm	14.716.931.162	60.626.696.980	6.520.354.676	210.070.700.000	291.934.682.818
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	-	-	287.939.300.000	287.939.300.000
Tăng khác (phân bổ chi phí phát hành trái phiếu)	-	-	-	560.400.000	560.400.000
Số tiền vay đã trả	-	-	-	(62.220.000.000)	(62.220.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(10.392.486.718)	-	(5.135.745.447)	-	(15.528.232.165)
Chênh lệch tỷ giá	-	1.693.334.180	-	-	1.693.334.180
Số cuối năm	4.324.444.444	62.320.031.160	1.384.609.229	436.350.400.000	504.379.484.833

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Điều chuyển quỹ/ Giảm do khấu hao	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	8.575.268.834	151.915.381	(1.581.300.000)	(5.000.000.000)	2.145.884.215
Quỹ phúc lợi	(448.686.834)	1.247.824.976	(5.319.014.719)	5.000.000.000	480.123.423
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	571.764.981	-	-	(152.470.668)	419.294.313
Quỹ thưởng HĐQT và Ban điều hành	2.604.566.087	679.454.931	(1.611.742.012)	-	1.672.279.006
Cộng	11.302.913.068	2.079.195.288	(8.512.056.731)	(152.470.668)	4.717.580.957

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Trong năm Công ty tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2016 và năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ.ĐHCD-TMS-2017 ngày 22 tháng 4 năm 2017 và số 01/NQ.ĐHCD-TMS-2018 ngày 20 tháng 4 năm 2018.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 30 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 475.205.070.000 VND.

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.520.507	34.564.342
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.520.507	34.564.342
- Cổ phiếu phổ thông	47.520.507	34.564.342
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(11.619)	(11.619)
- Cổ phiếu phổ thông	(11.619)	(11.619)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.508.888	34.552.723
- Cổ phiếu phổ thông	47.508.888	34.552.723
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017-2018 số 01/NQ.ĐHCD-TMS-2018 ngày 20 tháng 4 năm 2018 như sau:

	Phân phối lợi nhuận năm trước
• Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	8.138.391.792
• Trích lập Quỹ khen thưởng	151.915.381
• Trích lập Quỹ phúc lợi	1.247.824.976
• Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	527.454.931
• Thương Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, cán bộ chủ chốt	152.000.000
• Chia cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu 25%	86.376.560.000
• Chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu 10%	43.185.090.000
• Chia cổ tức năm 2017 bằng tiền 15%	64.785.568.500
Cộng	204.564.805.580

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****23a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	243.535.500	243.535.500
Trên 01 năm đến 05 năm	974.142.000	974.142.000
Trên 05 năm	5.357.781.000	5.601.316.500
Cộng	<u>6.575.458.500</u>	<u>6.818.994.000</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng cho 16.290 m² tại Đà Nẵng với giá thuê và phí sử dụng hạ tầng tối thiểu là 35.500 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn thuê đến ngày 08 tháng 8 năm 2054 tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2015.

23b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	61.400,89	458.041,39
Dollar Hongkong (HKD)	2.500,00	2.500,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ giao nhận	219.127.206.165	168.277.989.459
Doanh thu dịch vụ kho vận, sà lan	233.105.520.257	245.464.138.372
Doanh thu hoạt động khác	17.057.103.899	13.893.167.340
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư (*)	4.800.000.000	6.120.000.000
Doanh thu được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	54.886.534.079
Cộng	<u>474.089.830.321</u>	<u>488.641.829.250</u>

(*) Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	4.800.000.000	6.120.000.000
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	3.585.697.800	3.585.697.800
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	<u>1.214.302.200</u>	<u>2.534.302.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ giao nhận	196.308.874.436	148.389.799.704
Giá vốn dịch vụ kho vận, sà lan	175.216.111.025	164.667.994.770
Giá vốn hoạt động khác	8.046.569.934	6.739.836.204
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	3.585.697.800	3.585.697.800
Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	46.660.764.401
Cộng	383.157.253.195	370.044.092.879

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.470.064.398	2.653.201.990
Lãi tiền cho vay	4.011.672.490	2.162.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	46.716.918.109	40.990.702.830
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.368.897.735	253.004.559
Lãi chuyển nhượng một phần vốn trong Công ty liên kết	19.621.113.408	19.786.113.689
Doanh thu tài chính được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	91.148.952
Doanh thu tài chính khác	-	461
Cộng	76.188.666.140	65.936.172.481

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	35.163.052.290	29.568.073.462
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	560.400.000	560.400.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	438.819.865	220.955.669
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.116.667.090	2.395.304.364
Lỗ chuyển nhượng công ty con	-	1.056.620.192
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	370.453.988	1.982.952.835
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	(14.863.246.165)	(1.984.868.277)
Chi phí tài chính được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	597.235.936
Chi phí tài chính khác	207.406.361	193.473.499
Cộng	23.993.553.429	34.590.147.680

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.395.132	2.350.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.509.262	12.913.650
Các chi phí khác	31.510.709	4.878.045
Cộng	90.415.103	20.142.650

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.764.985.642	11.285.611.764
Chi phí vật liệu quản lý	1.452.087.606	1.162.440.147
Chi phí đồ dùng văn phòng	514.637.159	382.382.847
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.445.595.103	1.382.965.657
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.661.500.450	4.142.798.520
Chi phí quản lý được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	318.026.829
Các chi phí khác	1.151.368.329	1.515.810.018
Cộng	22.994.174.289	20.193.035.782

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.415.838.996	-
Thu nhập khác chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	427.025.451
Các khoản thu nhập khác	227.273.803	983.163.520
Cộng	1.643.112.799	1.410.188.971

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	118.757.996
Các khoản chi phí khác	1.868.849.816	1.282.033.785
Cộng	1.868.849.816	1.400.791.781

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.093.151.283	53.929.971.856
Chi phí nhân công	78.535.375.524	69.511.475.433
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.142.799.771	37.391.178.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	247.026.695.678	219.987.990.662
Chi phí khác	5.443.820.331	9.436.654.891
Cộng	406.241.842.587	390.257.271.311

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Số dư các khoản phải thu, phải trả liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	-	2.676.734.600
Ứng trước tiền mua tài sản cố định	2.246.013.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	4.800.000.000	4.800.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	19.200.000.000	19.200.000.000
Trên 05 năm	105.600.000.000	110.400.000.000
Cộng	129.600.000.000	134.400.000.000

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Lãi trái phiếu phải trả	-	25.418.342
Ban điều hành		
Lãi trái phiếu phải trả	-	915.483

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18 và V.20b.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 5.030.986.09 VND (năm trước là 4.701.004.164 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Casco Investments Limited	Cổ đông nắm giữ 24,34% vốn điều lệ của Công ty
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty con
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Công ty con
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Công ty có liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Công ty có liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Công ty có liên quan
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco	Công ty có liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Casco Investments Limited		
Lãi trái phiếu phải trả	-	55.389.192
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An		
Lợi nhuận được chia	4.414.385.000	6.836.235.000
Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh	-	6.254.359.714
Nhận cung cấp dịch vụ	-	239.962.817
Cung cấp dịch vụ	-	603.946.364

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.15, V.18, V.19 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực kinh doanh là logistics và cho thuê bất động sản đầu tư trong một khu vực địa lý là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, doanh thu hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư chiếm tỷ trọng không đáng kể (01% tổng doanh thu).

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	186.508.589.991	-	-	186.508.589.991
Chứng khoán kinh doanh	14.157.195.816	-	19.526.504.518	33.683.700.334
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.000.000.000	-	-	13.000.000.000
Phải thu khách hàng	73.852.174.077	1.283.794.164	-	75.135.968.241
Các khoản phải thu khác	23.258.792.156	-	-	23.258.792.156
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	33.176.723.877	-	-	33.176.723.877
Cộng	343.953.475.917	1.283.794.164	19.526.504.518	364.763.774.599

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.087.828.198	-	-	65.087.828.198
Chứng khoán kinh doanh	19.976.264.749	-	19.200.300.530	39.176.565.279
Phải thu khách hàng	51.612.249.999	1.355.705.890	-	52.967.955.889
Các khoản cho vay	80.600.000.000	-	-	80.600.000.000
Các khoản phải thu khác	27.790.233.582	-	-	27.790.233.582
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	89.310.568.269	-	-	89.310.568.269
Cộng	334.377.144.797	1.355.705.890	19.200.300.530	354.933.151.217

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	477.356.018	1.564.112
Quá hạn trên 02 năm đến 03 năm	-	1.116.306.778
Quá hạn trên 03 năm	806.438.146	237.835.000
Cộng	1.283.794.164	1.355.705.890

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	45.886.981.387	-	-	45.886.981.387
Vay và nợ	86.919.337.056	504.379.484.833	-	591.298.821.890
Các khoản phải trả khác	73.090.541.476	310.809.175	-	73.401.350.651
Cộng	205.896.859.919	504.690.294.008	-	710.587.153.927
Số đầu năm				
Phải trả người bán	31.332.496.350	-	-	31.332.496.350
Vay và nợ	144.845.627.739	291.934.682.818	-	436.780.310.557
Các khoản phải trả khác	59.252.602.664	310.809.175	-	59.563.411.839
Cộng	235.430.726.753	292.245.491.993	-	527.676.218.746

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có giao dịch vay tiền là ngoại tệ do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm				Số đầu năm		
	USD	JPY	HKD	SGD	USD	JPY	HKD
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.401	-	2.500	-	458.041	-	2.500
Phải trả người bán	(364.724)	(6.597.579)	-	(5.000)	(95.410)	(5.130.548)	-
Vay và nợ	(3.333.334)	-	-	-	(5.033.334)	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(3.636.658)	(6.597.579)	2.500	(5.000)	(4.670.703)	(5.130.548)	2.500

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(79.954.922.129)	(3.333.334,00)	(304.918.951.716)	(5.033.334,00)
Nợ phải trả thuần	(79.954.922.129)	(3.333.334,00)	(304.918.951.716)	(5.033.334,00)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 33.385.935.000 VND (số đầu năm là 44.237.595.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	186.508.589.991	-	65.087.828.198	-
Chứng khoán kinh doanh	33.683.700.334	(2.917.304.518)	39.176.565.279	(2.546.850.530)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.000.000.000	-	-	-
Phải thu khách hàng	75.135.968.241	-	52.967.955.889	-
Các khoản cho vay	-	-	80.600.000.000	-
Các khoản phải thu khác	23.258.792.156	-	27.790.233.582	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	33.176.723.877	-	89.310.568.269	-
Cộng	364.763.774.599	(2.917.304.518)	354.933.151.217	(2.546.850.530)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	45.886.981.387	31.332.496.350
Vay và nợ	591.298.821.890	436.780.310.557
Các khoản phải trả khác	73.401.350.651	59.563.411.839
Cộng	710.587.153.927	527.676.218.746

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

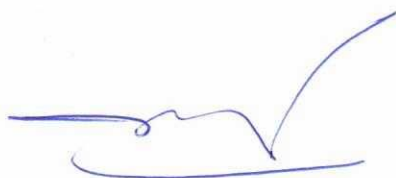
Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2019



Phạm Xuân Quang
Người lập biểu



Nguyễn Hồng Kim Chi
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	312.653.570.000	193.653.130.653	(59.352.000)	71.660.772.746	203.229.391.083	781.137.512.482
Tăng vốn từ chuyển đổi trái phiếu	32.989.850.000	16.494.925.000	-	-	-	49.484.775.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(47.837.900)	-	-	(47.837.900)
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	111.481.791.877	111.481.791.877
Trích lập các quỹ	-	-	-	11.017.268.061	(21.989.827.756)	(10.972.559.695)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.282.171.000)	(17.282.171.000)
Số dư cuối năm trước	345.643.420.000	210.148.055.653	(107.189.900)	82.678.040.807	275.439.184.204	913.801.510.764
Số dư đầu năm nay	345.643.420.000	210.148.055.653	(107.189.900)	82.678.040.807	275.439.184.204	913.801.510.764
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	129.561.650.000	-	-	-	(129.561.650.000)	-
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	104.735.921.363	104.735.921.363
Trích lập các quỹ	-	-	-	8.138.391.792	(10.217.587.080)	(2.079.195.288)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(64.785.568.500)	(64.785.568.500)
Số dư cuối năm nay	475.205.070.000	210.148.055.653	(107.189.900)	90.816.432.599	175.610.299.987	951.672.668.339

Đơn vị tính: VND



Phạm Xuân Quang
Người lập



Nguyễn Hồng Kim Chi
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2019

Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị